TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – H phúc**

Bản án số: 115/2018/DS-PT
Ngày 22 tháng 11 năm 2018
"Tranh chấp HĐ vay tài sản "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Bắc

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Hiếu

Ông Đoàn Ngọc Thiện

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngân, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hồ Điệp - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 93/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 9 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2018/DSST ngày 07 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 110/2018/QĐ-PT ngày 05/10/2018, quyết định hoãn phiên tòa số 85/2018/QĐ-PT ngày 25/10/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Lương Thị Mỹ L, sinh năm 1975; địa chỉ: Đường Đ, khu phố B, thị trấn N, huyện N, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà L: Bà Vũ Thị Phương T, sinh năm 1982; địa chỉ: Đường P, phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (theo giấy ủy quyền ngày 12/10/2016 có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L: Ông Nguyễn Hải Đ, luật sư Văn phòng luật sư H thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Ông Nguyễn Vạn L, luật sư Văn phòng luật sư N thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Phước H, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà H: Ông Phan Minh Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Đường P, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (theo giấy ủy quyền ngày 02/10/2017 có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng H , sinh năm 1984 và Ông Nguyễn Tấn V, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Ngô Thị Thanh H, luật sư của Văn phòng luật sư T, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày:

1. Bà Lương Thị Mỹ L và đại diện ủy quyền là bà Vũ Thị Phương T trình bày như sau: Ngày 14/1/2016, Bà Nguyễn Thị Hồng H có vay của bà L 1.940.000.000 đồng với lãi suất 0,6%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. Hai bên có làm hợp đồng vay tiền được công chứng tại Văn phòng công H (xã H) vào ngày 14/1/2016. Đến hạn trả nợ bà Hồng H không trả tiền, bà L đòi rất nhiều lần thì bà Hồng H chỉ trả được 100.000.000 đồng. Nay, bà L yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Nguyễn Tấn V trả 1.840.000.000 đồng tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật. Còn việc giao tiền thì bà L không trực tiếp giao tiền cho bà Hồng H mà thông qua bà Nguyễn Thị Phước H. Bà Phước H lấy tiền của bà L đưa cho bà Hồng H vay, bà L đưa cho bà Phước H nhiều lần. Sau hơn một tháng bà L hỏi thì bà Phước H nói cho bà Hồng H vay. Vì vậy, ngày 14/1/2016 bà L và bà Hồng H đã ký hợp đồng tại phòng công chứng H.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà L yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H trả nợ gốc là 1.840.000.000 đồng, lãi suất theo hợp đồng và lãi quá hạn là 480.240.000 đồng; tổng cộng là 2.320.240.000 đồng.

2. Bà Nguyễn Thị Phước H, đại diện ủy quyền ông Phan Minh Đ trình bày: Vào ngày 07/01/2016, bà Phước H có cho bà Nguyễn Thị Hồng H vay số tiền 2.800.000.000 đồng, lãi suất 0,7%/tháng, mục đích cho vay để bà

Hồng H thanh toán nợ ngân hàng, thời hạn vay là 01 tháng. Sau khi giao tiền thì hai bên có lập hợp đồng tại phòng công chứng H. Đến hạn thì ông Nguyễn Tấn V và bà Nguyễn Thị Hồng H không trả gốc và lãi cho bà Phước H.

Nay, bà Nguyễn Thị Phước H yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Nguyễn Tấn V trả số tiền gốc là 2.800.000.000 đồng, lãi suất theo hợp đồng tính từ ngày 07/01/2016 đến ngày 31/7/2018 là 712.312.328 đồng.

Về việc bà L yêu cầu bà Hồng H trả 1.940.000.000 đồng thì bà Phước H có vay số tiền trên của bà L giúp cho bà Hồng H làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày: Bà không vay tiền của bà L mà vay tiền của bà Nguyễn Thị Phước H nhiều lần. Qua các khoản vay thì có khoản vay lập văn bản là giấy vay nợ, có khoản vay không lập văn bản. Các giấy vay nợ bà Phước H giữ. Cụ thể:

Vào năm 2011, Bà vay của bà Phước H 460.000.000 đồng, lãi suất 3.000đ/1 triệu đồng/tháng. Mỗi tháng Bà trả cho bà Phước H 41.400.000đ/tháng, Bà có trả lãi nhưng không đầy đủ. Đến năm 2015 thì Bà thiếu bà Phước H tổng số tiền cả gốc và lãi là 860.000.000 đồng. Đến đầu năm 2016, bà Phước H yêu cầu Bà ký hợp đồng vay tiền với số tiền 2,8 tỷ đồng. Lý do bà Hồng H yêu cầu Bà ký hợp đồng trên là do bà Phước H có vay của bà L số tiền trên nên nhờ Bà ký hợp đồng vay tiền để cho bà L tin tưởng. Khoảng 01 tuần sau bà Phước H tiếp tục yêu cầu Bà ký hợp đồng nội dung vay bà L 1.940.000.000 đồng, lý do bà Phước H nói là đã thanh toán bớt tiền cho bà L nên chỉ còn 1.940.000.000 đồng. Bà Phước H nói là sau khi ký hợp đồng này xong sẽ hủy hợp đồng vay 2,8 tỷ đồng. Tuy nhiên bà Phước H không chịu đến phòng công chứng để hủy hợp đồng vay 2,8 tỷ đồng mà cả bà L và bà Phước H khởi kiện yêu cầu Bà trả tiền cả hai hợp đồng.

Đối với bà L thì Bà không vay nên không trả, còn bà Phước H thì Bà chỉ chấp nhận trả 860 triệu đồng.

Ông Nguyễn Tấn V trình bày: Ông là chồng bà Nguyễn Thị Hồng H, Ông không biết vợ vay tiền của bà L bà Phước H chỉ đến khi họ đến đòi và đưa hợp đồng thì Ông mới biết sự việc. Ông không chấp nhận trả tiền cho bà L và bà Phước H. Việc bà Hồng H vay tiền của ai, làm gì Ông không biết nên Ông không có trách nhiệm về các hợp đồng vay tiền trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 30/2018/DSST ngày 07/8/2018 Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc đã áp dụng các Điều 129, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, pháp Lệnh án phí, Lệ phí Tòa án ngày 27/2/2009, tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Mỹ L đòi bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Tấn V trả cho bà L số tiền 1.840.000.000 đồng và lãi suất theo lãi suất của hợp đồng vay tiền từ ngày 14/01/2016 đến ngày 31/7/2018 là 480.240.000 đồng.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phước H. Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H trả cho bà Nguyễn Thị Phước H các khoản nợ sau: nợ gốc là 860.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 31/7/2018 là 99.755.600 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phước H đòi bà Nguyễn Thị Hồng H trả cho bà Nguyễn Thị Phước H số tiền 1.940.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 31/7/2018 là 612.566.728 đồng.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phước H đòi ông Nguyễn Tấn V có nghĩa vụ liên đới với bà Nguyễn Thị Hồng H trả cho bà Nguyễn Thị Phước H 2.800.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 31/7/2018 là 712.312.328 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí, trách nhiệm do chậm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, bà Lương Thị Mỹ L làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Tấn V trả cho bà L 1.840.000.000 đồng và theo lãi suất theo quy định.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018, bà Nguyễn Thị Phước H làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm sửa án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phước H, buộc bà Nguyễn Thị Hồng H ông Nguyễn Tấn V trả cho bà Phước H 2.800.000.000 đồng và theo lãi suất theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Lương Thị Mỹ L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Bà Nguyễn Thị Phước H rút một phần khởi kiện và một phần kháng cáo là không yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H trả khoản tiền 1.940.000.000 đồng và lãi suất; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà L trình bày: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ, kết luận của cơ quan điều tra, các tin nhắn thì bà Hồng H thừa nhận có vay của bà L 1.940.000.000 đồng như trong hợp đồng. Bà Hồng H đã trả được 100.000.000 đồng như vậy còn 1.840.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Hồng H trả cho bà L số tiền trên. Còn lãi suất thì chỉ yêu cầu trả 160.000.000 đồng, tổng cộng là 2 tỷ đồng. Bà Hồng H vay tiền để đáo hạn ngân hàng, chi tiêu trong gia đình nên đây là nợ chung. Đề Hội đồng xét xử buộc chồng bà Hồng H là ông Nguyễn Tấn V liên đới cùng trả số tiền trên.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Phước H rút yêu cầu bà Hồng H trả 1.940.000.000 đồng, như vậy chỉ còn số nợ 860.000.000 đồng. Số tiền này bà

Hồng H vay nhiều lần và đồng ý trả. Còn đối với khoản nợ 1.940.000.000 đồng thì bà Hồng H không nhận tiền của bà L nên không đồng ý trả. Bà L giao tiền cho ai thì người đó có trách nhiệm trả cho bà L. Các nguyên đơn yêu cầu ông V chồng bà Hồng H cùng trả nợ nhưng ông V không tham gia vào bất cứ giao dịch nào với các nguyên đơn. Còn bà Hồng H vay tiền là để trả nợ cho các khoản làm ăn thua lỗ, vay khoản này đắp khoản kia do những người làm ăn cùng đã bỏ trốn. Bà Hồng H không sử dụng tiền vay cho gia đình, ông V không biết các khỏan vay này. Vì vậy, ông V không có nghĩa vụ trả các khoản nợ của vợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với kháng cáo của bà Phước H: Các bên đương sự đều thừa nhận có quan hệ vay mượn tiền của nhau, bà Phước H không chứng minh được đã giao số tiền 2.800.000.000 đồng cho bà Hồng H. Bà Hồng H chỉ thừa nhận trong số tiền 2.800.000.000 đồng bà Hồng H đã nhận của bà Phước H 860.000.000 đồng từ cuối năm 2015. Tại phiên tòa, bà Phước H rút yêu cầu khởi kiện số tiền 1.940.000.000 đồng, chỉ yêu cầu trả số tiền 860.000.000 đồng và lãi suất là 900.000.000 đồng. Yêu cầu này có căn cứ nên đề nghị Tòa án chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bà L: Căn cứ vào lời khai của bị đơn tại Cơ quan cảnh sát điều tra huyện Xuyên Mộc, tại biên bản hòa giải ngày 02/11/2016 và ngày 24/10/2016 thì bị đơn thừa nhận vay của bà L 1.940.000.000 đồng, đã trả được 100.000.000 đồng nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà Hồng H phải trả cho bà L 1.840.000.000 đồng và lãi suất. Tính đến ngày 14/01/2018, bà L yêu cầu trả gốc và lãi là 2.000.000.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L. Do đó đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà L.

Về yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Tấn V cùng liên đới trả nợ với bà Nguyễn Thị Hồng H: Xét thấy, các đương sự đều thừa nhận trong các giao dịch vay tiền ông V không tham gia, không có chứng cứ chứng minh bà Hồng H sử dụng tiền vay vào sinh hoạt chung cua gia đình nên nghĩa vụ trả nợ thuộc về bà Hồng H, không có căn cứ buộc ông V có nghĩa vụ trả nợ cùng bà H. Do đó đề nghị Tòa án bác yêu cầu kháng cáo của 02 nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Tấn V cùng liên đới trả nợ với bà Hồng H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Lương Thị Mỹ L, bà Nguyễn Thị Phước H nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định tại các Điều 271, 272, 273

của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ; Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xem xét yêu cầu kháng cáo nêu trên như sau:

[3] Về thủ tục: Bà Lương Thị Mỹ L vắng mặt nhưng đã ủy quyền do đó Tòa vẫn tiến hành xét xử.

[4] Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Phước H rút một phần khởi kiện và một phần kháng cáo. Không yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Tấn V trả khoản tiền 1.940.000.000 đồng cùng lãi suất. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện và một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phước H.

[5] Xét hợp đồng vay tiền giữa bà Nguyễn Thị Phước H và bà Nguyễn Thị Hồng H thì thấy: Ngày 07/01/2016 bà Phước H và bà Hồng H có giao kết hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng H. Theo nội dung hợp đồng thì bà Phước H đồng ý cho bà Hồng H vay 2.800.000.000 đồng, lãi suất 0,7%/tháng, thời hạn vay 30 ngày kể từ ngày 07/01/2016. Tại phiên hôm nay hai bên thừa nhận đã giao nhận tiền xong mới ký hợp đồng công chứng. Hai bên thừa nhận khoản vay 860.000.000 đồng và bà Phước H chỉ yêu cầu trả lãi đến ngày xét xử phúc thẩm là 40.000.000 đồng.

Còn số tiền 1.940.000.000 đồng thì bà Phước H trình bày là vay của bà L đưa cho bà Hồng H vay lại. Lý do ký hợp đồng vay 2.800.000.000 đồng thì bị đơn trình bày là ký theo yêu cầu của bà Phước H, sau đó hai bên cũng thỏa thuận hủy hợp đồng này và ký lại hợp đồng với bà L 1.940.000.000 đồng. Như vậy, ban đầu bà L, bà Phước H có lời khai giống nhau là bà Phước H vay của bà L 1.940.000.000 đồng cho bà Hồng H vay lại, sau đó bà Phước H đã chuyển giao nghĩa vụ này sang cho bà L. Vì vậy, bà L mới ký hợp đồng với bà Hồng H và bà Hồng H cũng đã trả được 100.000.000 đồng cho bà L. Qua quá trình tố tụng tại Tòa án thì bà Hồng H cũng thừa nhận khoản vay này và chỉ đồng ý trả cho một trong hai người là bà L, hoặc bà Phước H và thực tế đã trả thay bà Phước H 100.000.000 đồng cho bà L (BL 65-64). Như vậy, việc bà Hồng H vay của bà Phước H 2.800.000.000 đồng là thật, sau khi chuyển giao nghĩa vụ cho bà L 1.940.000.000 đồng thì số nợ còn lại là 860.000.000 đồng. Điều này cũng phù hợp với trình bày của bà Phước H, bà Hồng H, phù hợp với kết luận của cơ quan điều tra (BL 74-75). Tại phiên tòa bà Phước H cũng thừa nhận và đã thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả khoản nợ này cho bà L nên rút yêu cầu khởi kiện.

[6] Xét hợp đồng vay tiền giữa bà Lương Thị Mỹ L và bà Nguyễn Thị Hồng H thì thấy: Ngày 14/01/2016 bà L và bà Hồng H có giao kết hợp đồng vay tiền tại Văn phòng công chứng H. Theo nội dung hợp đồng thì bà L đồng ý cho bà Hồng H vay 1.940.000.000 đồng, lãi suất 0,6%/tháng, thời hạn vay 3 tháng kể từ ngày 14/01/2016. Các đương sự thừa nhận không giao nhận tiền mà bà L giao số tiền trên cho bà Phước H, bà Phước H cũng thừa nhận là có vay và nhận số tiền trên của bà L trước ngày 14/01/2016 và cho bà Hồng H vay lại. Như vậy, việc bà L và bà Hồng H ký hợp đồng vay tiền là việc chuyển giao nghĩa vụ từ bà Phước H sang cho bà Hồng H như nhận định phần [5]. Bà Hồng H trình bày do cùng làm chung với bà Phước H nên nhận nợ thay và do bị bà L đe dọa nên mới ký hợp đồng nhưng không có căn cứ chứng minh. Tại cơ quan điều tra không có sức ép nào, không bị ai đe dọa mà bà Hồng H đồng ý trả khoản tiền 1.940.000.000 đồng (đã trả 100.000.000 đồng) cho bà L. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc bà Hồng H trả cho bà L 1.840.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận là 0,6%/ tháng từ ngày 14/01/2016 đến ngày xét xử phúc thẩm 487.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền của bà L chỉ yêu cầu tiền lãi là 160.000.000 đồng, yêu cầu này là tự nguyện nên chấp nhận.

[7] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phước H, bà Lương Thị Mỹ L buộc ông Nguyễn Tấn V cùng bà Nguyễn Thị Hồng H trả tiền thì thấy: Trong các hợp đồng vay tiền ông V không tham gia, không chứng kiến, không nhận tiền, không biết việc vợ vay tiền. Bà Phước H, bà L cũng không chứng minh được bà Hồng H vay tiền để sử dụng cho các nhu cầu thiết yếu của gia đình hay trả nợ chung vợ chồng, làm ăn chung do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của bà Phước H, bà L là có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay bà Phước H, bà L cũng không cung cấp được chứng cứ nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà L, bà Phước H.

[8] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà L tiền tạm ứng án phí là 16.800.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phước H rút một phần yêu cầu khởi kiện nên vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 83.051.000 đồng. Bà Hồng H phải chịu án phí đối với số tiền 2.900.000.000 đồng như sau: 72.000.000 đồng x 2% 900.000.000 đồng = 90.000.000 đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho bà L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp. Yêu cầu khởi kiện của bà Phước H không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

Vì lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Lương Thị Mỹ L, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phước H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 30/2018/DSST ngày 07/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc.

Áp dụng các Điều 228, 217, 289 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 129, 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005, pháp Lệnh án phí, lệ phí Tòa án ngày 27/2/2009, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phước H đối với bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Tấn V về việc trả nợ 1.940.000.000 đồng và lãi suất là 612.566.728 đồng.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Phước H đối với việc buộc bà Nguyễn Thị Hồng H và ông Nguyễn Tấn V trả nợ 1.940.000.000 đồng và lãi suất là 612.566.728 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Mỹ L về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H trả cho bà Lương Thị Mỹ L 2.000.000.000 *(hai tỷ)* đồng, trong đó nợ gốc 1.840.000.000 *(một tỷ tám trăm bốn chục triệu)* đồng và nợ lãi là 160.000.000 *(một trăm sáu chục triệu)* đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phước H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng H trả cho bà Nguyễn Thị Phước H 900.000.000 *(chín trăm triệu)* đồng, trong đó nợ gốc là 860.000.000 *(tám trăm sáu chục triệu)* đồng, nợ lãi là 40.000.000 *(bốn mươi triệu)* đồng.

5. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phước H, bà Lương Thị Mỹ L đòi ông Nguyễn Tấn V có nghĩa vụ liên đới với bà Nguyễn Thị Hồng H trả nợ cho bà Nguyễn Thị Phước H và bà Lương Thị Mỹ L.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Lương Thị Mỹ L không phải chịu, hoàn trả cho bà L tiền tạm ứng án phí là 16.800.000 *(mười sáu triệu tám trăm ngàn)* đồng theo biên lai thu tiền số 0001560 ngày 04/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc.

- Bà Nguyễn Thị Phước H phải chịu 83.051.000 *(tám mươi ba triệu không trăm năm mốt ngàn)* đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.000.000 *(hai mươi hai triệu)* đồng theo biên lai thu tiền số 02739 ngày 07/3/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X. Bà Phước H còn phải nộp thêm 61.051.000 *(sáu mốt triệu không trăm năm mốt ngàn)* đồng.

- Bà Nguyễn Thị Hồng H phải chịu 90.000.000 (*chín mươi triệu*) đồng.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Lương Thị Mỹ L không phải chịu, hoàn trả cho bà L 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003048 ngày 14/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X.

- Bà Nguyễn Thị Phước H phải chịu là 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng theo biên lai thu tiền số 0003050 ngày 15/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X. Bà Phước H đã nộp đủ.

- Bà Lương Thị Mỹ L không phải chịu, hoàn trả cho bà L 300.000 *(ba trăm ngàn)* đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003048 ngày 14/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT.
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- TAND huyện Xuyên Mộc;
- THADS huyện Xuyên Mộc;
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Bắc